

6.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	9	9			0	1		8									
6.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	40	10			2			8				30	29	0			
6.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	42	17	0		2			9		6		25	25	0			
7	Đất tôn giáo	TON	12	12								12							
8	Đất tín ngưỡng	TIN	94	94								94							
9	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt	NTD	598	2			0					1	1			596	596		
10	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	11608	2				1		1				11606	10565	351	690		
10.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	1453	2				1		1				1451	1449	0	1		
10.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	10155											10155	9116	351	688		
11	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	57	23	9		0			14				34	34				
III	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	39516											39516	39322	195			
1	Đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê	CGT	2963											2963	2768	195			
2	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	1468											1468	1468				
3	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	5197											5197	5197				
4	Núi đá không có rừng cây	NCS	29888											29888	29888				
5	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS																	

Ngày 14 tháng 12 năm 2025

Người lập biểu

Văn phòng đăng ký đất đai



K.T. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Công Chi Tuyết Lan

Ngày 14 tháng 12 năm 2025

Sở Nông nghiệp và Môi trường



Nguyễn Hữu Chiến

Ngày 19 tháng 12 năm 2025

TM. Ủy ban nhân dân



Đoàn Thanh Sơn